

Số: 46/2019/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 08 tháng 11 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Bến Tre**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2018/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về Ban hành Danh mục sản phẩm chủ lực quốc gia;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 3007/TTr-SNN ngày 29 tháng 10 năm 2019.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này là Danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Bến Tre, được hỗ trợ theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và chính sách hỗ trợ của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

**Điều 2. Điều khoản thi hành**

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 11 năm 2019./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Đức**

**DANH MỤC  
SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP CHỦ LỰC TỈNH BẾN TRE**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 46/2019/QĐ-UBND ngày 08/11/2019  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

| STT | Sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Bến Tre                                                                                                                          |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Dừa (dừa công nghiệp, dừa uống nước).                                                                                                                              |
| 2   | Quả (bưởi da xanh, chôm chôm, nhãn, sầu riêng, măng cụt, xoài, chanh).                                                                                             |
| 3   | Lúa (gạo).                                                                                                                                                         |
| 4   | Hoa kiểng (Mai vàng, bông giấy, tắc, kiểng thú, hoa treo, kiểng lá màu).<br>Cây giống (Sầu riêng, chôm chôm, bưởi da xanh, măng cụt, mít, xoài, nhãn, dừa, chanh). |
| 5   | Rau.                                                                                                                                                               |
| 6   | Heo (lợn).                                                                                                                                                         |
| 7   | Bò (bò thịt và bò sữa).                                                                                                                                            |
| 8   | Gia cầm (gà, vịt).                                                                                                                                                 |
| 9   | Giống thủy sản.                                                                                                                                                    |
| 10  | Tôm (tôm sú, tôm chân trắng, tôm càng xanh).                                                                                                                       |